

SUMMARY AND CERTIFICATION OF POST-ELECTION HAND COUNT AUDIT RESULTS
(RESUMEN Y CERTIFICACIÓN DE LOS RESULTADOS DE LA AUDITORÍA DE CONTEO MANUAL POSTERIOR A LA ELECCIÓN)

I, the undersigned, General Custodian of Election Records for the Joint Runoff Election, held on the 13 day of December, 2025, in Harris County, Texas, do hereby certify that the following is a comparison total of all votes received by each candidate and votes received "for" and "against" each measure as tabulated by the voting system equipment to the total votes as tabulated by the Post-Election Hand Count Audit at the following polling locations and precincts. The Post-Election Hand Count Audit was completed and concluded on 18 day of December, 2025. I further certify that the comparison includes the results for early voting in person, election day voting in person, and ballots by mail received under Section 87.1231 of the Texas Election Code.

DATED, this 18 day of December, 2025


General Custodian

Yo, el abajo firmante, Custodio General de los Registros Electorales de las elecciones de Conjunta Decisiva, celebradas el día 13 de diciembre, 2025, en el Condado de Harris, Texas, certifico por la presente que lo que sigue es una comparación del total de votos recibidos por cada candidato y los votos recibidos "a favor" y "en contra" de cada medida, según lo tabulado por el equipo del sistema de votación, con el total de votos tabulado por la Auditoría de Conteo Manual Posterior a la Elección en los siguientes centros de votación y precintos. La Auditoría de Conteo Manual Posterior a la Elección se completó y concluyó el 18 de diciembre, 2025. Certifico además que la comparación incluye los resultados de la votación adelantada en persona, la votación en persona el día de las elecciones y las boletas por correo recibidas en virtud de la Sección 87.1231 del Código Electoral de Texas.

FECHADO, este día 18 de diciembre, 2025


Custodio General de los Registros Electorales

SUMMARY AND CERTIFICATION OF POST-ELECTION HAND COUNT AUDIT RESULTS
(TỔNG KẾT VÀ CHỨNG NHẬN CỦA CÁC KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐẾM PHIẾU BẰNG TAY SAU CUỘC BẦU CỬ)
(選舉後人工驗票稽核結果摘要與證明)

Tôi ký tên dưới đây, Trưởng Ban Lưu Giữ Hồ Sơ Tuyển Cử cho Các Cuộc Bầu Cử Chung Kết Kết Hợp, được tổ chức vào Ngày 13 của Tháng 12, 2025 tại Quận Harris, Texas, chứng nhận việc so sánh tổng số phiếu bầu nhận được cho mỗi ứng cử viên và số phiếu bầu "thuận" và "chống" cho các kế hoạch đề nghị được lập bảng tự động theo hệ thống thiết bị bầu cử cho đến tổng số phiếu được Kiểm Tra Đếm Phiếu Bằng Tay Sau Cuộc Bầu Cử của các địa điểm phòng phiếu và các phân khu bầu cử sau đây. Cuộc Kiểm Tra Đếm Phiếu Bằng Tay Sau Cuộc Bầu Cử đã hoàn thành và có kết quả vào Ngày 18 của Tháng 12, 2025. Tôi cũng chứng thực việc so sánh bao gồm kết quả của cử tri trực tiếp đi bầu phiếu vào bầu cử sớm, trực tiếp đi bầu phiếu vào ngày bầu cử, và các lá phiếu bầu bằng thư đã nhận được theo Mục 87.1231 của Bộ Luật Bầu Cử Texas.

NGÀY THÁNG, đây là Ngày 18 của Tháng 12, 2025



Trưởng Ban Lưu Giữ Hồ Sơ Tuyển Cử

本人 為以下簽名處選務記錄總管理者 聯合決選 於 2025 年 12 月 13 日 在 Harris 縣舉行之選舉中，特此證明以下是每位候選人獲得的所有選票以及投票系統設備製表的每項措施所獲得的 "贊成" 和 "反對" 票數的總和與以下投票地點和選區的選舉後手工計票審計製表的總票數的比較。選舉後點票審計已完成並結束 於 2025 年 12 月 18 日。本人進一步證明，此數據比較結果包括依 Texas 州選舉法第 87.1231 條所接收之親自提前投票、選舉日親自投票及郵寄選票之結果。

簽署日期, 2025 年 12 月 18 日



選務記錄總管理者

BALLOT BY MAIL

(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THƯ / 郵遞選票)

0036Election Precinct (*Precinto Electoral* / *Phân Khu Bầu Cử* / 投票地點): _____

Name of Office/Proposition (<i>Nombre de la Oficina/Propuesta</i>) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (<i>Candidato/“A Favor” o “En Contra”</i>) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (<i>Resultados Tabulados Electrónicamente</i>) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (<i>Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)</i>) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	2	2
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	4	4
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL

(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)

0053Election Precinct (*Precinto Electoral* / *Phân Khu Bầu Cử* / 投票地點): _____

Name of Office/Proposition (<i>Nombre de la Oficina/Propuesta</i>) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (<i>Candidato/“A Favor” o “En Contra”</i>) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (<i>Resultados Tabulados Electrónicamente</i>) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (<i>Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)</i>) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	1	1
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL

(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THƯ / 郵遞選票)

0106Election Precinct (*Precinto Electoral* / *Phân Khu Bầu Cử* / 投票地點):

Name of Office/Proposition (<i>Nombre de la Oficina/Propuesta</i>) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (<i>Candidato/“A Favor” o “En Contra”</i>) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (<i>Resultados Tabulados Electrónicamente</i>) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (<i>Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)</i>) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***0134**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*):

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>(Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống")</i> <i>(候選人/"贊成" 或 "反對")</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	2	2
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	1	1
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***0332**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*):

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>(Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống")</i> <i>(候選人/"贊成" 或 "反對")</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	1	1
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	2	2
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***0610**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*):

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>(Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống")</i> <i>(候選人/"贊成" 或 "反對")</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	5	5
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	2	2
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***0935**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*):

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>(Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống")</i> <i>(候選人/"贊成" 或 "反對")</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***1044**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*):

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/"For" or "Against" <i>(Candidato/"A Favor" o "En Contra")</i> <i>(Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống")</i> <i>(候選人/"贊成" 或 "反對")</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	1	1
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

BALLOT BY MAIL*(BOLETA POR CORREO / LÁ PHÍẾU BẦU BẰNG THU' / 郵遞選票)***1092**Election Precinct (*Precinto Electoral / Phân Khu Bầu Cử / 投票地點*): _____

Name of Office/Proposition <i>(Nombre de la Oficina/Propuesta)</i> <i>(Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị)</i> <i>(公職競選名稱/提案)</i>	Candidate/“For” or “Against” <i>(Candidato/“A Favor” o “En Contra”)</i> <i>(Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”)</i> <i>(候選人/“贊成”或“反對”)</i>	Electronically Tabulated Results <i>(Resultados Tabulados Electrónicamente)</i> <i>(Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập)</i> <i>(電子計票結果)</i>	Total Votes Received (Hand Count) <i>(Total de Votos Recibidos (Conteo Manual))</i> <i>(Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay))</i> <i>(收到選票總數 (手工計票))</i>
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	0	0
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

EARLY VOTING

(VOTACIÓN ADELANTADA / BẦU CỬ SỚM / 提前投票)

SRD143R

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點):

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/"For" or "Against" (Candidato/"A Favor" o "En Contra") (Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống") (候選人/"贊成" 或 "反對")	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	197	197
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	27	27
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

EARLY VOTING

(VOTACIÓN ADELANTADA / BẦU CỬ SỚM / 提前投票)

SRD145C

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點):

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/"For" or "Against" (Candidato/"A Favor" o "En Contra") (Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống") (候選人/"贊成" 或 "反對")	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	440	440
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	111	111
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

EARLY VOTING

(VOTACIÓN ADELANTADA / BẦU CỬ SỚM / 提前投票)

SRD145J

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點):

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/"For" or "Against" (Candidato/"A Favor" o "En Contra") (Ứng Cử Viên/"Thuận" hoặc "Chống") (候選人/"贊成" 或 "反對")	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	1280	1280
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	232	232
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	1	1

ELECTION DAY

(DÍA DE LA ELECCIÓN/ NGÀY BẦU CỬ / 選舉日)

32034

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點):

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (Candidato/“A Favor” o “En Contra”) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	4	4
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	21	21
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

ELECTION DAY

(DÍA DE LA ELECCIÓN/ NGÀY BẦU CỬ / 選舉日)

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點): 62035

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (Candidato/“A Favor” o “En Contra”) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	47	47
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	24	24
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0

ELECTION DAY

(DÍA DE LA ELECCIÓN/ NGÀY BẦU CỬ / 選舉日)

72049

Polling Location (Lugar de Votación / Địa Điểm Phòng Phiếu / 投票地點):

Name of Office/Proposition (Nombre de la Oficina/Propuesta) (Tên của Chức Vụ/Kế Hoạch Đề Nghị) (公職競選名稱/提案)	Candidate/“For” or “Against” (Candidato/“A Favor” o “En Contra”) (Ứng Cử Viên/“Thuận” hoặc “Chống”) (候選人/“贊成”或“反對”)	Electronically Tabulated Results (Resultados Tabulados Electrónicamente) (Các Kết Quả Bảng Điện Tử Được Lập) (電子計票結果)	Total Votes Received (Hand Count) (Total de Votos Recibidos (Conteo Manual)) (Tổng Số Phiếu Bầu Nhận Được (Đếm Bằng Tay)) (收到選票總數 (手工計票))
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Alejandra Salinas	135	135
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	Dwight A. Boykins	19	19
City of Houston, Council Member, At-Large Position 4	No Selection	0	0